TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Lê Thị Thùy

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 09-3-2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-5-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Đ, sinh năm 2004, địa chỉ: Thôn I, xã T, tỉnh Lào Cai, số căn cước công dân: 015304005364, ngày cấp: 24/6/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn E, xã T, tỉnh Lào Cai, số căn cước công dân: 015098008360, ngày cấp 11/8/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội,

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Trương Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21-6-2023 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống hoà thuận thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn, nhiều lần còn cầm cố tài sản gia đình để lấy tiền ăn chơi, tiêu sai cá nhân, chị và gia đình đã phải đi chuộc tài sản về. Gia đình có khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi nên chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2025 không còn quan tâm đến nhau.

Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn L.

Về nuôi con: Chị và anh Trương Văn L có 01 con tên là Trương Trí H, sinh

ngày 02-6-2023, sau khi ly thân cháu H ở với chị và ông bà ngoại tại thôn I, xã T, tỉnh Lào Cai. Hiện cháu H được chị và ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo ổn định nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu H và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, chị có 1 con riêng là Trương Duy K, sinh ngày 30-7-2021, chị sinh cháu K trước khi kết hôn với anh L và giấy khai sinh của cháu K không có phần khai về bố nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn L trình bày: Anh và chị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21-6-2023 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh đi làm ăn xa nhà không có thời gian chăm sóc vợ con nên tình cảm phai nhạt. Anh và chị Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Đ yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý. Tuy nhiên, nếu chị Đ nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không quay về với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Anh và chị Đ có 01 con tên là Trương Trí H, sinh ngày 02-6-2023, sau khi ly thân cháu H ở với chị Đ và ông bà ngoại tại thôn I, xã T, tỉnh Lào Cai. Hiện cháu H được chị Đ và ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo ổn định, nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ nuôi dưỡng cháu H và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Anh khai chị Đ có 1 con riêng là Trương Duy K, sinh ngày 30-7-2021, chị Đ sinh cháu K trước khi kết hôn với anh và giấy khai sinh của cháu K không có phần khai về bố nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh bận đi làm xa nhà nên quá trình Toà án giải quyết vụ án anh không thể thu xếp để đến Toà án giải quyết được, anh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Trương Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã T, tỉnh Lào Cai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, chị Đ và anh L đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Đ và anh Trương Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Đ và anh L thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh L có mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải, khắc phục nhưng không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị Đ xác đình tình cảm vợ chồng đã hết và chị nhất quyết yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

Anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị Đ không rút đơn mà nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí. Quá trình giai quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt, không thể hiện thiện trí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Đ và anh L có 01 con là Trương Trí H, sinh ngày 02-6-2023, sau khi ly thân cháu H ở với chị Đ và ông bà ngoại, cuộc sống của cháu đảm bảo ổn định nên chị Đ và anh L đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ nuôi dưỡng cháu H và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị Đ và anh L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với cuộc sống hiện tại của cháu H đang ở với mẹ. Do đó, giao cháu Trương Trí H cho chị Trương Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị Đ không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Trương Duy K, sinh ngày 30-7-2021, chị Đ và anh L cùng xác định sinh cháu K trước thời kỳ hôn nhân với anh L và tại giấy khai sinh của cháu K không có phần khai về bố, cả hai cùng xác định đây là con riêng của chị Đ, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định. Anh L không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Đ được ly hôn với anh Trương Văn L.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trương Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Trí H, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Trương Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000756 ngày 06-3-2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Lào Cai. Anh Trương Văn L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2- Lào Cai;
- Phòng THADS KV2- Lào Cai;
- UBND xã Tân Lĩnh;
(CNKH số 19/2023 Tân Lĩnh)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thu Hương